

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2022/DS - ST

Ngày: 11 – 7 – 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nga**

- Thư ký phiên tòa: Cô **Trần Thái Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 06 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Số: 384/2022/QĐXXST-DS ngày 03-06-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T.

Địa chỉ: 93/1 đường T, khóm X, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Ng** – chức vụ: Giám đốc.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 93/1 đường T, khóm X, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Võ Hoàng H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: 160/36/F1 đường T, phường H, quận N, TP Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đình T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T – do bà Nguyễn Thị Ng làm giám đốc là nguyên đơn trong vụ án “Tranh chấp vay tài sản” có bị đơn là ông Võ Hoàng H; sinh năm 1978 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T.

Vào ngày 07 tháng 5 năm 2012, ông Võ Hoàng H đi cùng ông Nguyễn Đình T- sinh năm 1984. Nguyên là Trưởng phòng Tín Dụng của Ngân hàng A chi nhánh tỉnh Sóc Trăng là bản thân của ông H đến Công ty chúng tôi và hỏi vay tiền để trả vào ngân hàng khác, ông T nói với Công ty, em và H là bạn thân chị giúp đỡ tụi với, vì ngân hàng đã làm sẵn hồ sơ cho vay mới rồi chị ạ.

Công ty chúng tôi có chức năng làm dịch vụ hỗ trợ thanh toán tín dụng Ngân hàng, tôi làm giám đốc Công ty TNHH T là chỗ quen biết với ông H và Ngân hàng Phát triển Đầu tư Việt Nam chi nhánh Cái Lắc ngày 24/4/2021 và ông T nói chị Ng giúp em và bạn em với, tôi nói ở Hậu Giang xa lắm, chị không làm hơn nữa chị không biết tài sản của H là như thế nào cả. Ông T đứng ra cam kết chịu mọi trách nhiệm nếu ông H không trả tiền cho Công ty.

Ông T năn nỉ mãi là chỗ quen biết nên công ty đồng ý cho ông T và ông H vay tiền tài sản ông T và ông H giao cho Công ty TNHH T để bảo đảm cho số tiền vay:

1. Chiếc xe Ô tô: theo giấy đăng ký xe số 0333528 do Sở giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23/4/2011, Biển số 95A. 00058, nhãn hiệu; FORD FOCUS, số máy: QQDD04355, số khung: RI-04DFDMMBKR04355. Đứng tên chủ sở hữu Võ Hoàng H.

2. Quyền sử dụng đất: theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 026566 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 01/4/2010, đất tọa lạc tại ấp Thi Tứ, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, thửa đất số 923, TĐĐ 3A, diện tích: 61,4m² mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị. Xe ô tô và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng Võ Hoàng H.

Nên ngày 7/5/2012 giữa Công ty TNHH T và ông Võ Hoàng H ký hợp đồng dịch vụ thanh toán tín dụng số 36/HĐĐH 2012, ông H và ông T cam kết chỉ vay tiền 5 ngày là hoàn trả lại cho Công ty TNHH T.

Ông H nhận tiền và giao lại chiếc xe ô tô cho Công ty, khi ông H trả tiền cho ngân hàng xong thì xóa thế chấp ở VPĐK huyện Châu Thành A, nhưng không làm thủ

tục vay lại tiền ngân hàng như cam kết, mà ông H và ông T nói với tôi, do ngân hàng đang bị Thanh tra nên chưa làm thủ tục vay lại tiền được, đợi vài hôm ngân hàng thanh tra xong thì đi ký hồ sơ tại Văn phòng công chứng và đi ký đăng bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để nhận tiền từ ngân hàng trả cho công ty, vì vậy nên ông H giao lại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H cho Cty giữ, khi nào ngân hàng cho vay thì ông H và ông T mượn lại giấy để làm thủ tục vay tiền ở ngân hàng lại.

Đến tối ngày 13/5/2012 ông H và ông T đến nhà riêng của tôi hỏi mượn chiếc ô tô đang bảo đảm cho hợp đồng vay tiền để chở mẹ ông H đi đám cưới, tôi không đồng ý cho ông H mượn, nhưng ông T gọi điện cho tôi và năn nỉ và cam kết với tôi nếu ông H mượn xe đi mà không đưa xe về trả cho công ty thì ông T hoàn toàn chịu trách nhiệm với tôi về việc ông H mượn xe và số tiền ông H đã nhận từ Công ty, nếu ông H không trả cho công ty thì ông T chịu trách nhiệm trả tiền cho Công ty TNHH T.

Lúc ông H và ông T đến nhà tôi khoảng 19 giờ tối ngày 13/5/2012 cũng là lúc mẹ ruột tôi đang hấp hối ở Thanh Hóa, nên tôi cũng không có thời gian yêu cầu ông T làm giấy cam kết như ông T nói mà ông T lấy chìa khóa xe từ chồng tôi và đưa cho ông H, mẹ tôi mất tôi lo đám tang cho mẹ tôi xong tôi mới vào lại Sóc Trăng.

Đến ngày 25/5/2012 ông T đến Công ty T làm giấy Xác nhận nội dung ông chịu trách nhiệm về việc ông H lấy xe và có trách nhiệm với Công ty T về khoản tiền vay của ông H.

Từ khi ông H lừa lấy chiếc xe ô tô từ Công ty T đi thì tôi không liên lạc được với ông H nữa, mà chỉ liên lạc được với ông T, ông T cứ hẹn với tôi em sẽ có trách nhiệm gọi H về trả nợ cho chị, nếu H không trả thì em trả cho chị, vì em bảo lãnh nên chị mới đưa tiền cho H, ông T hứa nhưng không trả tiền cho Công ty T như đã hứa.

Năm 2014 tôi đã làm đơn tố cáo ông H và ông T ở Công an huyện Châu Thành A, Công an tỉnh Hậu Giang, ngân hàng nơi ông T làm việc và Công an tỉnh Sóc Trăng thì ông T mới đi gặp tôi và thỏa thuận sẽ trả nợ số tiền mà ông H vay của Công ty chúng tôi, nhưng ông T vẫn cứ hứa và không thực hiện.

Mãi đến ngày 25/02/2017 ông T và ông Hứa Văn Cường là Trưởng phòng khiếu tố khiếu nại của Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng, ông Cường đứng ra hứa và xin cho ông T thời gian trả nợ số tiền gốc 260 triệu đồng và tiền lãi ông T cam kết trả theo lãi suất ngân hàng 1% tháng và hứa sẽ trả vào ngày 25/3/2019 số tiền từ 150 triệu đồng đến 200 triệu đồng ông Cường là người trực tiếp giao tiền cho tôi và mỗi tháng ông T trả số tiền là 26 triệu đồng cho Công ty T cho tới khi đủ vốn và lãi thì thôi, khi ông T trả đủ tiền gốc lãi thì tôi giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H cho ông T, cả ông Cường và ông T ký tên vào giấy cam kết.

Nhưng ông T và ông Cường không thực hiện cam kết đã ký. Khi báo chí đăng về việc ông H là đồng phạm trong vụ án nhà báo tổng tiền doanh nghiệp, ông T đi gặp tôi và nói với tôi chị ơi em chưa lo được tiền trả cho chị, H nó đã bị bắt giam rồi nên không liên lạc được với nó chị ạ. Giờ chị cho em trả mỗi tháng 5 triệu đồng trong tổng số tiền lãi mà tụi em phải trả cho chị, em sẽ gặp H bàn về việc bán tài sản trả nợ cho chị, H nó cũng còn nợ tiền của em nữa chị ạ.

Chị cứ lấy số tiền gốc là 260 triệu đồng x 1% như em đã thỏa thuận với chị, tính từ ngày 7/5/2012 nhân lên thời gian cuối cùng tụi em trả hết nợ cho Công ty chị, trừ số tiền mỗi tháng em trả cho Công ty chị 5 triệu đồng ra còn lại bao nhiêu gốc lãi em và H có trách nhiệm trả hết cho chị, nhưng mà thực tế ông T trả tiền cho Công ty T từ năm 2017 đến tháng 11 năm 2019 ông T mới trả được có 40.000.000 đồng tiền lãi bằng chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của tôi.

Khoản tháng 8 năm 2019, ông Võ Hoàng Nh là cha ruột của ông H gọi điện thoại cho tôi và nói với tôi, sắp xếp thời gian để ông Nh và vợ H đến gặp tôi bàn về việc trả nợ của H, ông Nh nói con của thằng H nó bị tật nguyên không đi lại được mẹ nó không bỏ nó ở nhà một mình được nên bảo tôi tạo điều kiện cho ông và vợ ông H gặp tôi để thương lượng về việc chuộc giấy của thằng H đã giao cho chị, hiện nay thằng H nó đang trong tù nên không đi gặp chị được.

Tôi thấy ông Nh nói vậy, nên tôi đã tạo điều kiện cho ông Nh gặp tôi tại thành phố Cần Thơ đến gặp tôi có ông Nh và một người phụ nữ cùng một cháu gái khoảng 10 tuổi không đi lại được, người phụ nữ phải vác cháu bé trên vai, ông Nh giới thiệu với tôi đây là L và con gái của thằng H, ông Nhưng còn nói với tôi H nó đi tù vợ nó không có việc làm con nó bị bệnh nên rất khó khăn chị thương hoàn cảnh xem xét giúp đỡ cho nó trả cho chị số tiền gốc 260.000.000 đồng còn tiền lãi chị cho vợ chồng nó trả sau cho chị, chị tạo điều kiện cho L nó lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Bà L khóc lóc và nói chồng em đã làm khổ mẹ con em, chị thương cho hoàn cảnh mẹ con em mà giúp đỡ, tôi thấy cháu rất tội nghiệp nên tôi đồng ý cho Cha và vợ ông H chỉ trả số tiền 260.000.000 đồng gốc và tôi không lấy thêm lãi nữa mà chỉ lấy số tiền ông T đã trả thôi, ông Nh và bà L cam kết trong vòng 01 tháng sẽ trả cho Công ty T và tôi đồng ý.

Hết 01 tháng ông Nh và bà L không trả tiền như cam kết, tôi gọi điện cho ông Nh thì ông Nh nói để ông kêu con dâu là bà L gọi cho tôi và ông Nh đưa số điện thoại bà L cho tôi.

Tôi gọi cho bà L thì bà L nói với tôi giờ em không có tiền chị cho em trả cho chị 100.000.000 đồng rồi chị đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho em để em lấy giấy đi vay tiền thì em mới có tiền trả chị. Con em bệnh suốt đi lại khó khăn nên chị giúp em đưa giấy lên nhà em ở ấp Thị Tứ, TT-Một Ngàn, huyện Châu Thành A rồi em

đưa cho chị trước 100.000.000 đồng và em làm giấy cam kết trả cho chị số tiền còn lại trong vòng một tháng nữa là hết. Tôi nghe bà L nói như vậy tôi trả lời bà L thì ra tụi em thấy chị dễ nên lại giở trò hả em và tôi cúp máy.

Tháng 10/2019 tôi đã về nơi gia đình ông H sinh sống và tìm hiểu thì người dân địa phương nơi gia đình ông H sinh sống họ cho tôi biết, ông H lừa gạt rất nhiều người ngày nào cũng có người đến nhà đòi tiền và chửi bới um xùm, từ ngày ông H bị kết án trong vụ án nhà báo tổng tiền doanh nghiệp thì ông Nh ba ông H đã bán nhà đi nơi khác ở nghe nói nó đã ra tù tháng 9/2019 rồi, ông H đã ly dị bà L từ lâu rồi con gái của ông H bị bệnh từ nhỏ đi viện thường xuyên nhưng gia đình ông H ông Nh không có trách nhiệm với mẹ con nhà bà L, mẹ con bà L sống nhờ bà ngoại là mẹ bà L.

Tôi thấy hoàn cảnh của mẹ con bà L khó khăn và bất hạnh nên tôi đã đến nơi bà L và con gái sinh sống hỏi thăm hoàn cảnh để tôi tạo điều kiện cho mẹ con bà L có chỗ cất nhà ở, khi tôi đến nơi bà L ở tìm hiểu thì mới biết việc bà L và con gái cùng ông Nh ba ông H đi gặp tôi thỏa thuận là về việc trả tiền là chiêu lừa gạt của ông H dàn dựng lấy con gái tật nguyên ra để cho tôi thương hại chứ ông Nh cất căn biệt thự rất lớn không phải có có hoàn cảnh khó khăn như ông Nh nói với tôi.

Ông Nh và ông H thỏa thuận với bà L để bà L đưa đứa con gái đi gặp tôi để tôi tội nghiệp và lại giở chiêu trò gạt tôi lần nữa, vì miếng đất của ông H theo giá thị trường hiện nay bán được khoảng trên 600.000.000 đồng, nên ông Nh lợi dụng cháu nội tật nguyên hứa hẹn với bà L ăn chia khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về.

Nhưng sau khi tôi đồng ý chỉ cho trả tiền gốc thì cha con ông H lại không muốn trả tiền gốc như cam kết mà chỉ muốn trả có 100.000.000 đồng còn lại không muốn trả, vì vậy tôi phải làm đơn khởi kiện ông H và ông T để thu hồi tiền về cho Công ty.

Nay tôi làm đơn khởi kiện này yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Hoàng H và ông H Đình T có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền gốc và tiền lãi:

+ Tiền gốc là: 260.000.000 đồng

+ Tiền lãi là: 260.000.000 đồng (từ ngày 07/5/2012 đến ngày 5/12/2019) = 84 tháng x 1% tháng = 218.400.000 đồng. Ông T đã trả được 40.000.000 đồng số tiền lãi còn lại ông H và ông T phải trả là: 178.000.000 đồng. Tổng cộng: Gốc 260.000.000 đồng + Lãi 178.000.000 đồng = 438.400.000 đồng

Tài sản bảo đảm cho việc thi hành án là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 026566 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 01/04/2010, đất tọa lạc tại ấp Thị Tứ, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, thửa đất 923, tờ bản đồ 3A, diện tích: 61,4m² mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Đứng tên sử dụng Võ Hoàng H.

Bị đơn ông Võ Hoàng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện ủy quyền của nguyên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện:

- Cụ thể nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc bị đơn ông Võ Hoàng H phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 260.000.000đ và trả lãi quá hạn tính từ ngày 11/5/2012 (ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ) cho đến phiên tòa hôm nay, lãi yêu cầu theo quy định của pháp luật và tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án trên tổng số tiền nợ cho đến khi thi hành xong tất cả các nghĩa vụ trả nợ cho bên nguyên đơn. Nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng lãi ông T đã trả thay cho bị đơn ông H vào tổng số tiền nợ lãi.

- Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn ông Võ Hoàng H.

- Nguyên đơn đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26 về thẩm quyền giải quyết vụ án; Điều 68 về tư cách tham gia tố tụng; Điều 195, Điều 196 về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự;

Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 49 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập nhưng vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục niêm yết tại nơi cư trú cũng như tại UBND nơi trú và niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn thể hiện qua Giấy giao nhận tiền ngày 07/5/2012 và Hợp đồng dịch vụ tín dụng ngân hàng cùng ngày 07/5/2012 và các tài liệu chứng cứ khác do Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác nhận giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện. Xét chứng cứ là

Giấy giao nhận tiền ngày 07/5/2012 thể bị đơn có mượn của nguyên đơn 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc là có căn cứ. Đối với yêu cầu tính lãi suất thấy rằng biên nhận có thể hiện thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Do vậy, xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là ngày 11/5/2012 để làm căn cứ tính lãi suất và do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015.

Do vậy: Đề xuất xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 260.000.000 đồng và lãi suất quá hạn 1,25%/tháng, do nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng là có lợi cho bị đơn nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Buộc bị đơn tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn đã được triệu tập nhưng vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục niêm yết tại nơi cư trú cũng như tại UBND nơi cư trú và niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn thể hiện bằng biên nhận nợ, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và do bị đơn đang cư trú tại địa bàn quận N, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn thể hiện qua Giấy giao nhận tiền ngày 07/5/2012 và Hợp đồng dịch vụ tín dụng ngân hàng cùng ngày 07/5/2012 và các tài liệu chứng cứ khác do Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác nhận giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện. Xét chứng cứ là Giấy giao nhận tiền ngày 07/5/2012 thể hiện bị đơn có mượn của nguyên đơn 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập họp lệ để bị đơn thực hiện các quyền lợi của mình nhưng bị đơn vẫn không đến, Tòa án cũng đã xác minh tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, xác định bị đơn có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng bị đơn bỏ đi không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ. Như vậy, việc bị đơn bỏ đi là cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục niêm yết tại địa phương và tại nơi cư trú nhiều lần nhưng bị đơn cố tình không đến. Tại phiên tòa nguyên đơn đã xuất trình được bản gốc của các biên nhận nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*) là có căn cứ.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Đối với yêu cầu tính lãi suất thấy rằng biên nhận có thể hiện thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Do vậy, xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là ngày 11/5/2012 để làm căn cứ tính lãi suất và do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015.

Lãi quá hạn được tính là $10\%/năm \times 150\% = 1,25\%/tháng$, do nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất $1\%/tháng$ là có lợi cho bị đơn nên HĐXX ghi nhận. Lãi được tính từ ngày 11/5/2012 đến ngày xét xử là: $122 \text{ tháng} \times 1\% \times \text{số tiền nợ gốc } 260.000.000 \text{ đồng} = 317.200.000 \text{ đồng}$.

Phía nguyên đơn đồng ý tự nguyện khấu trừ số tiền lãi do ông Nguyễn Đình T đã trả thay cho bị đơn 40.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với số tiền lãi do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T tự nguyện trả thay cho bị đơn, ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông T liên quan đến số tiền này. Do vậy, giữa ông T và bị đơn được quyền tự thỏa thuận về số tiền này khi có yêu cầu.

Từ những phân tích trên, cần buộc bị đơn ông Võ Hoàng H phải trả cho nguyên đơn Công ty TNHH T số tiền nợ gốc 260.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử là: $317.200.000 \text{ đồng} - 40.000.000 \text{ đồng} = 277.200.000 \text{ đồng}$. Và buộc bị đơn tiếp tục trả

lãi cho nguyên đơn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn.

Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhận dân quận N, thành phố Cần Thơ là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc và lãi phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 537.200.000 đồng (gốc 260.000.000 đồng, lãi 277.200.000 đồng), án phí tương ứng: $20.000.000 + (4\% \text{ phần vượt quá } 400.000.000 \text{ đồng}) = 25.488.000$ đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Nguyên đơn Công ty TNHH T được nhận lại 10.768.000 đồng (Mười triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002111 ngày 12/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 150, 152, 153, 156, 357, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn ông Võ Hoàng H. Buộc ông Võ Hoàng H có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi 277.200.000 (hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Bị đơn ông Võ Hoàng H còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án trên tổng số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn Công ty TNHH T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự 2015.

Sau khi bị đơn ông Võ Hoàng H đã trả xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn Công ty TNHH T phải có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận QSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 026566 (số vào sổ cấp GCN: CH00080) do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 01/4/2010 cho ông Võ Hoàng H.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T về việc buộc ông T liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn ông Võ Hoàng H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Võ Hoàng H phải chịu: 25.280.000 đồng (*hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty TNHH T được nhận lại 10.768.000 đồng (*Mười triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002111 ngày 12/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSNDQNK;
- THADSQNK;
- Các đs;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG